

Số: 15/2022/QĐST-DS

Sơn Dương, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện S, tỉnh T;

* **Bị đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh T;

* **Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X:** Chị Hà Thị Tuyết D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ N, phường P, thành phố T, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về trách nhiệm thanh toán số tiền gốc:

Các đương sự thỏa thuận thống nhất, chị Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*).

* Về lãi suất: Các đương sự thỏa thuận thống nhất, chị Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán cho bà X số tiền lãi từ tháng 12 năm 2020 đến hết tháng 02 năm 2022 là 47.481.000đ (*Bốn mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng*).

Tổng số tiền (gốc và lãi) chị Trần Thị N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị X là 427.481.000đ (*Bốn trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng*).

* Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Khoản tiền phải thanh toán, kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Nguyễn Thị X.

- Giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho chị Trần Thị N. Chị N còn phải nộp 2.637.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thùy Trâm